

# YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI KHẢ NĂNG HỌC TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH CỦA SINH VIÊN KHỐI KỸ THUẬT: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

Trần Thị Thanh Trâm

Trường Đại học Đồng Nai  
Email: thanhtramenglish@gmail.com

## Article history

Received: 16/10/2024

Accepted: 23/12/2024

Published: 05/01/2025

## Keywords

Influencing factors, English for special purpose, Engineering students, Automotive Technology major, Dong Nai University of Technology

## ABSTRACT

In today's world of international integration, businesses particularly require an adequate command of English, especially the ability to understand specialized English terms and documents. Therefore, it is crucial to examine the factors that affect engineering students' ability to learn specialized English. This is the objective of the current study, which is a case study conducted at the Automotive Technology faculty, Dong Nai University of Technology. The author conducted a survey with 232 students majoring in Automotive Technology. The research results show that, among the 04 proposed factors affecting Automotive Technology students' ability to learn specialized English, the personal factor exerted the strongest influence. By identifying and evaluating the level of influence of each factor, practical solutions can be found to improve the ability of engineering students to learn specialized English in general in the contemporary period.

## 1. Mở đầu

Ngành công nghệ ô tô là một trong những ngành chủ chốt, đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của các quốc gia có cơ cấu thâm dụng vốn và khối lượng việc làm mà nó tạo ra (Nguyễn Hoàng Anh và cộng sự, 2024). Ngành công nghệ ô tô tạo ra rất nhiều việc làm, góp phần thúc đẩy công nghệ và ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực khác như giao thông, logistics, năng lượng, môi trường,... Trong bối cảnh hiện nay, tiếng Anh được xem là ngôn ngữ của kinh tế và doanh nghiệp; trong đó, tiếng Anh được sử dụng và là yêu cầu cần thiết trong ngành công nghệ ô tô. Khi hội nhập kinh tế diễn ra rộng rãi, những thông tin có tầm ảnh hưởng lớn đến những doanh nghiệp sẽ được truyền tải bằng tiếng Anh (Đào Thị Thu Hương và Đào Thị Thu Hiền, 2022), đặc biệt, sinh viên (SV) khi làm việc trong môi trường hiện đại cần có tiếng Anh chuyên ngành, bao gồm các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và các kỹ năng giao tiếp chuyên biệt liên quan đến lĩnh vực ô tô. Việc nắm vững và sử dụng được tiếng Anh của SV ngành Công nghệ ô tô sẽ giúp SV và chuyên gia trong lĩnh vực này có thể hoàn thành công việc một cách chuyên nghiệp và hiệu quả hơn. Điều này yêu cầu các cơ sở đào tạo bậc đại học ở Việt Nam ngoài việc trang bị cho SV các kiến thức, kỹ năng chuyên môn còn cần phải giúp SV phát triển năng lực tiếng Anh để có thể sử dụng thành thạo cho các mục đích công việc. Để đáp ứng yêu cầu này, chương trình đào tạo tiếng Anh tại các trường cao đẳng và đại học thường dành một khối lượng thời gian đáng kể để giảng dạy các học phần Tiếng Anh Chuyên ngành (Trần Thị Duyên và cộng sự, 2019).

Với mục đích tìm kiếm giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo tiếng Anh nhằm giúp SV tìm được việc làm phù hợp, bài báo nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng học tiếng Anh chuyên ngành của SV khối Kỹ thuật thông qua thực hiện khảo sát đối với SV ngành Công nghệ ô tô ở Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Một số nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên

Đào Thị Thu Hương và Đào Thị Thu Hiền (2022) cho rằng, các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả học tiếng Anh của SV tại các trường đại học này có thể kể đến như: trang thiết bị học tập hiện đại, trình độ chuyên môn của giảng viên, khả năng tiếp thu của SV, tính chủ động và tự giác của SV, giáo trình/tài liệu tiếng Anh, sĩ số SV/lớp học, sự quan tâm và đầu tư của nhà trường. Lê Thị Ánh Tuyết và cộng sự (2021) đưa ra các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếng Anh của SV gồm: động lực và thái độ học tập, kiến thức ngôn ngữ, phương pháp giảng dạy.

Huang và Wang (2023) chỉ ra hiệu quả trong việc tích hợp việc dạy từ vựng tiếng Anh chuyên ngành và công nghệ ngữ liệu, từ đó đề xuất một mô hình mới về dạy từ vựng tiếng Anh trên ô tô dựa trên ngữ liệu. Luo và cộng sự (2024) nghiên cứu về việc sử dụng mô-đun giao tiếp kỹ thuật cho SV sản xuất ô tô tại các trường cao đẳng nghề đã cho thấy SV cải thiện hiệu quả kỹ năng viết và nói tiếng Anh của mình. Những nghiên cứu này đều cho thấy phương

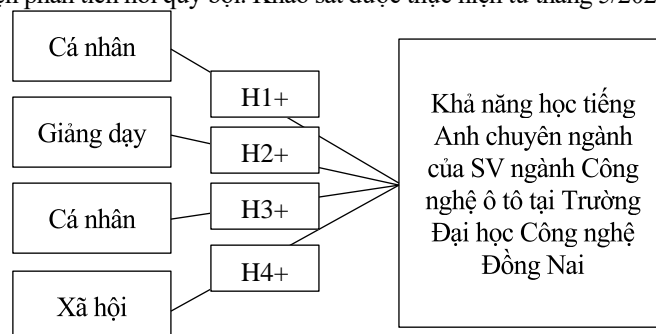
pháp dạy học tiếng Anh có ảnh hưởng lớn tới khả năng học tiếng Anh chuyên ngành của SV. Chou (2007) thì cho rằng, yếu tố phương pháp học tập của người học có tác động mạnh đến năng lực tiếng Anh của người học, bên cạnh đó Liu (2023) cũng nghiên cứu và cho thấy tính tự chủ của SV là yếu tố quan trọng trong việc học tiếng Anh. Bên cạnh đó, cơ hội tiếp xúc với ngữ liệu (comprehensible input) và việc sử dụng ngôn ngữ một cách có ý nghĩa (Ellis, 1994) thông qua các hoạt động học tập trong và ngoài lớp cũng là những yếu tố quan trọng có thể ảnh hưởng đến việc phát triển ngôn ngữ. Gradman và Hanania (1991) đã khẳng định rằng các yếu tố môi trường, địa điểm góp phần quan trọng đối với sự thành công của người học. Tương tự, Carhill và cộng sự (2008) nhận thấy rằng môi trường ngôn ngữ tác động mạnh đến khả năng tiếng Anh của họ. Nghiên cứu cho thấy nếu người học dành nhiều thời gian để tiếp xúc và sử dụng tiếng Anh trong thực tế thì khả năng sử dụng tiếng Anh của họ sẽ tốt hơn.

Có thể thấy, các kết quả nghiên cứu trên có những nhận định, góc nhìn giống và khác nhau được thực hiện ở các thời điểm và không gian, điều kiện nghiên cứu khác nhau. Nghiên cứu này được thực hiện để xem xét sự tác động của các yếu tố trong sự phù hợp với điều kiện giảng dạy và học tập tiếng Anh đối với SV nhóm ngành Kỹ thuật hiện nay. Trên cơ sở đó, chúng tôi đưa ra các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng học tiếng Anh chuyên ngành của SV khối Kỹ thuật là: (1) Yếu tố cá nhân; (2) Yếu tố giảng dạy; (3) Yếu tố môi trường; (4) Yếu tố xã hội.

## 2.2. Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng học tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên ngành Công nghệ ô tô ở Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

### 2.2.1. Khái quát khảo sát

Dựa trên cơ sở các nghiên cứu trước và căn cứ từ mô hình nghiên cứu lý thuyết về động lực học của Eccles, tác giả đã xây dựng mô hình và tổng hợp các biến theo Hair và cộng sự (2016) gồm 04 biến độc lập và 01 biến phụ thuộc với 19 biến quan sát. Tác giả đã thực hiện khảo sát với 250 SV ngành Công nghệ ô tô, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai thông qua hình thức phát phiếu hỏi và kết quả nhận về được 232 phiếu hợp lệ. Sau đó, dữ liệu được xử lý qua phần mềm SPSS 27 để thực hiện phân tích hồi quy bội. Khảo sát được thực hiện từ tháng 5/2024 đến tháng 8/2024.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu (nhóm tác giả đề xuất)

Các giả thuyết nghiên cứu được đưa ra như sau: H1. Yếu tố cá nhân có ảnh hưởng thuận chiều đến khả năng học tiếng Anh chuyên ngành của SV ngành Công nghệ ô tô Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai; H2. Yếu tố giảng dạy có ảnh hưởng thuận chiều đến khả năng học tiếng Anh chuyên ngành của SV ngành Công nghệ ô tô, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai; H3. Yếu tố môi trường có ảnh hưởng thuận chiều đến khả năng học tiếng Anh chuyên ngành của SV ngành Công nghệ ô tô, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai; H4. Yếu tố xã hội có ảnh hưởng thuận chiều đến khả năng học tiếng Anh chuyên ngành của SV ngành Công nghệ ô tô, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai; F. Khả năng học tiếng Anh chuyên ngành của SV ngành Công nghệ ô tô, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.

Bảng 1. Các nhân tố của thang đo

STT	Kí hiệu	Biến quan sát
<b>1</b>		<b>Thang đo về Yếu tố cá nhân (CN)</b>
1.1	CN1	Động cơ và sự tích cực học tập tiếng Anh chuyên ngành
1.2	CN2	Nền tảng tiếng Anh ban đầu của SV
1.3	CN3	Kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết)
1.4	CN4	Thái độ và sự tự tin khi sử dụng tiếng Anh
<b>2</b>		<b>Thang đo về Yếu tố giảng dạy (GD)</b>
2.1	GD1	Chương trình đào tạo và nội dung các môn học tiếng Anh chuyên ngành
2.2	GD2	Phương pháp giảng dạy của giảng viên
2.3	GD3	Tính thực tiễn và ứng dụng của các bài học
2.4	GD4	Cách thức kiểm tra, đánh giá

3			Thang đo về Yếu tố môi trường (MT)	
3.1	MT1		Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ học tập	
3.2	MT2		Cơ hội sử dụng tiếng Anh trong môi trường học tập	
3.3	MT3		Sự hỗ trợ từ nhà trường, giảng viên và bạn bè	
3.4	MT4		Nhu cầu sử dụng tiếng Anh trong ngành nghề tương lai	
4			Thang đo về Yếu tố xã hội (XH)	
4.1	XH1		Xu hướng và nhu cầu sử dụng tiếng Anh trong ngành Công nghệ ô tô	
4.2	XH2		Cơ hội việc làm và thu nhập liên quan đến khả năng sử dụng tiếng Anh	
4.3	XH3		Ảnh hưởng của gia đình, xã hội đối với động cơ học tập tiếng Anh	
5			Thang đo về Khả năng học tiếng Anh chuyên ngành của SV công nghệ ô tô (F)	
5.1	F1		SV ngành Công nghệ ô tô có thể đọc hiểu tài liệu kỹ thuật bằng tiếng Anh	
5.2	F2		SV ngành Công nghệ ô tô có thể giao tiếp với chuyên gia nước ngoài bằng tiếng Anh	
5.3	F3		SV ngành Công nghệ ô tô có thể trình bày vấn đề bằng tiếng Anh	
5.4	F4		SV ngành Công nghệ ô tô có thể viết báo cáo bằng tiếng Anh	

### 2.2.2. Kết quả khảo sát

- Kiểm định độ tin cậy thang đo:

Bảng 2. Kiểm định độ tin cậy của các biến độc lập

Thang đo	Hệ số Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan biến tổng
Yếu tố cá nhân	0,897	0,331
Yếu tố giảng dạy	0,767	0,506
Yếu tố môi trường	0,812	0,679
Yếu tố xã hội	0,882	0,730
Ảnh hưởng tới khả năng học tiếng Anh chuyên ngành của SV khối Kỹ thuật	0,758	

(Nguồn: Trích xuất từ SPSS)

Bảng 2 cho thấy, về độ tin cậy của các thang đo đều  $> 0,5$  đảm bảo yêu cầu; hệ số Cronbach's Alpha của các nhóm từ 0,758 đến 0,897; về mức độ tương quan giữa các biến đều  $> 0,3$ ; cụ thể là hệ số tương quan biến tổng dao động từ 0,331 đến 0,730. Do đó, các biến đủ điều kiện thực hiện bước tiếp theo trong phân tích nhân tố khám phá (EFA).

- Phân tích nhân tố khám phá EFA:

+ Phân tích nhân tố khám phá EFA cho biến độc lập:

Bảng 3. Kết quả kiểm định KMO and Bartlett's biến độc lập

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.743
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	2048.981
	df	105
	Sig.	.000

(Nguồn: Trích xuất từ SPSS)

Bảng 4. Ma trận xoay biến độc lập

Biến quan sát	Nhân tố			
	1	2	3	4
CN2	.899			
CN1	.886			
CN3	.805			
CN4	.737			
MT1		.857		
MT2		.825		
MT3		.733		
MT4		.665		
XH1			.917	
XH2			.904	
XH3			.869	
GD1				.774
GD2				.748

GD4				.659
GD3				.641

(Nguồn: Trích xuất từ SPSS)

Bảng 3 và bảng 4 cho thấy, phân tích EFA của các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể vì kiểm định Bartlett với sig = 0,000 < 0,05; Hệ số KMO = 0,743 > 0,5 và hệ số tải nhân tố các thang đo đều > 0,5 nên xét về giá trị hội tụ và độ tin cậy của các biến đều đáp ứng yêu cầu (do đó không có hiện tượng lại biến xấu xảy ra).

+ Phân tích nhân tố khám phá EFA cho biến phụ thuộc:

Bảng 5. Kết quả EFA với biến phụ thuộc

Biến quan sát	Hệ số tải nhân tố
	1
F1	.701
F2	.777
F3	.803
F4	.640

(Nguồn: Trích xuất từ SPSS)

Bảng 5 cho thấy, hệ số KMO = 0,715 > 0,5 và kiểm định Bartlett có kết quả Sig. = 0,000. Giá trị hệ số tải nhân tố các thang đo đều > 0,5 nên về giá trị hội tụ và độ tin cậy của các biến đều đạt yêu cầu.

- Phân tích tương quan:

Bảng 6. Ma trận tương quan giữa các nhân tố trong mô hình nghiên cứu

		CNTB	MTTB	XHTB	GDTB	FTB
CNTB	Pearson Correlation	1	.438**	.377**	.254**	.512**
	Sig. (2-tailed)		.000	.000	.000	.000
	N	232	232	232	232	232
MTTB	Pearson Correlation	.438**	1	.504**	.284**	.638**
	Sig. (2-tailed)	.000		.000	.000	.000
	N	232	232	232	232	232
XHTB	Pearson Correlation	.377**	.504**	1	.419**	.589**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000		.000	.000
	N	232	232	232	232	232
GDTB	Pearson Correlation	.254**	.284**	.419**	1	.416**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000		.000
	N	232	232	232	232	232
FTB	Pearson Correlation	.512**	.638**	.589**	.416**	1
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000	
	N	232	232	232	232	232

(Nguồn: Trích xuất từ SPSS)

Qua bảng 7 ta thấy, hệ số tương quan giữa các biến độc lập và phụ thuộc có mức độ tương quan cao, cụ thể dao động từ 0,254 đến 0,638. Suy ra, các biến độc lập sẽ giải thích bằng các biến độc lập. Bên cạnh đó, giá trị Sig. của biến độc lập đều > 0,05 nên chấp nhận giả thuyết.

- Phân tích hồi quy bội:

Bảng 7. Kết quả phân tích hồi quy bội

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	T	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến		
	B	Sai số chuẩn	Beta			Độ chấp nhận	VIF	
1	Hằng số	0,130	0,207		0,672	0,531		
	CN	0,350	0,50	0,372	6,938	0,000	0,672	1,487
	GD	0,279	0,59	0,259	4,736	0,000	0,646	1,548
	MT	0,116	0,038	0,147	3,018	0,000	0,811	1,233
	XH	0,197	0,046	0,214	4,266	0,000	0,769	1,300

R2 hiệu chỉnh: 0,561

Thống kê Durbin-Watson: 2.021

Thống kê F(ANOVA): 72.482

Mức ý nghĩa (Sig. của ANOVA): 0,000

(Nguồn: Trích xuất từ SPSS)

Phương trình hồi quy tuyến tính có dạng:

$$F = 0,130 + 0,372*CN + 0,259*GD + 0,214*XH + 0,147*MT$$

Phương trình hồi quy tuyến tính bội cho thấy 04 nhân tố có ảnh hưởng đến khả năng học tiếng Anh chuyên ngành của SV ngành Công nghệ ô tô, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai. Tác giả tiến hành phân tích hồi quy với mức ý nghĩa 5% và tất cả các biến độc lập đều có độ tin cậy 95% và các giá trị sig.<0,05 nên bác bỏ giả thuyết H0, nghĩa là các biến độc lập CN1 đến XH3 đều có ảnh hưởng lên biến phụ thuộc F. Đồng thời, hệ số tương quan tổng thể bằng 0 nên không có hiện tượng phương sai sai số thay đổi trong mô hình và hệ số VIF của các biến độc lập < 2 nên không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra.

Qua kết quả kiểm định cho thấy mô hình lý thuyết là phù hợp, có 04 nhân tố được chấp nhận và mức độ ảnh hưởng các nhân tố đến khả năng học tiếng Anh chuyên ngành của SV ngành Công nghệ ô tô, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai thứ tự mức độ ảnh hưởng từ cao đến thấp như sau: (1) Yếu tố cá nhân; (2) Yếu tố giảng dạy, (3) Yếu tố xã hội; (4) Yếu tố môi trường. Trong đó, Yếu tố cá nhân (hệ số Beta chuẩn hóa = 0,372) là có mức độ ảnh hưởng cao nhất, có ảnh hưởng thuận chiều đến khả năng học tiếng Anh của SV ngành Công nghệ ô tô tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai. Nghĩa là, khi các nhân tố khác không đổi, nếu Yếu tố cá nhân tăng lên 1 đơn vị thì khả năng học tiếng Anh của SV tăng lên tương ứng 0,372 đơn vị. Sau đó đến mức độ ảnh hưởng lần lượt là: “Yếu tố giảng dạy có hệ số Beta chuẩn hóa = 0,259”, “Yếu tố xã hội với hệ số Beta chuẩn hóa = 0,214”, “Yếu tố môi trường có hệ số Beta chuẩn hóa = 0,147”.

### 2.3. Một số kiến nghị

Nhằm nâng cao khả năng học tiếng Anh chuyên ngành của SV ngành Công nghệ ô tô, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, tác giả đề xuất một số kiến nghị sau:

Thứ nhất, *đối với yếu tố cá nhân*: (1) Động lực học tập: giúp SV nhận thức được tầm quan trọng của việc nắm vững tiếng Anh chuyên ngành đối với sự phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực ô tô; khuyến khích và tạo động lực cho SV bằng cách tổ chức các cuộc thi, giải thưởng về trình độ tiếng Anh chuyên ngành; (2) Kỹ năng học tập: hướng dẫn SV các kỹ năng học tiếng Anh chuyên ngành như lập kế hoạch học tập, sử dụng các chiến lược đọc, nghe hiệu quả; tổ chức các buổi tư vấn, hướng dẫn cá nhân để giúp SV xác định và cải thiện những điểm yếu của bản thân; (3) Thói quen và tính kỷ luật: khuyến khích SV xây dựng thói quen học tiếng Anh chuyên ngành thường xuyên, liên tục; tăng cường tính kỷ luật trong việc hoàn thành các bài tập, dự án liên quan đến tiếng Anh chuyên ngành; (4) Sự tự tin và thái độ: tạo môi trường khuyến khích SV sử dụng tiếng Anh mà không sợ sai lầm; tổ chức các hoạt động teambuilding, các buổi chia sẻ kinh nghiệm học tập để nâng cao sự tự tin cho SV.

Thứ hai, *đối với yếu tố giảng dạy*: (1) Năng lực giảng dạy của giảng viên: nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh của giảng viên, đặc biệt về từ vựng và ngôn ngữ ngành Công nghệ ô tô; tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành cho giảng viên; (2) Phương pháp giảng dạy: đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành; khuyến khích giảng viên sử dụng các hoạt động tương tác, tình huống, dự án nhóm trong giảng dạy; (3) Tài liệu giảng dạy: cập nhật, xây dựng các tài liệu giảng dạy tiếng Anh của SV ngành Công nghệ ô tô phù hợp với thực tiễn; sử dụng các tài liệu, giáo trình được biên soạn bởi những chuyên gia, nhà nghiên cứu uy tín trong lĩnh vực; (4) Đánh giá và phản hồi: xây dựng các tiêu chí đánh giá rõ ràng, công bằng về trình độ tiếng Anh chuyên ngành của SV; thường xuyên cung cấp phản hồi cá nhân cho SV về kết quả học tập, ưu điểm và hạn chế để họ có thể cải thiện; (5) Hợp tác với doanh nghiệp: tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp ô tô để cập nhật nhu cầu về tiếng Anh chuyên ngành; tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp để giảng viên và SV cập nhật được những kiến thức, từ vựng mới.

Thứ ba, *đối với yếu tố môi trường*: (1) Cơ sở vật chất: đầu tư, cập nhật các trang thiết bị, phòng học hiện đại, hỗ trợ việc học tiếng Anh chuyên ngành như máy chiếu, loa, máy tính, internet; xây dựng các phòng học, phòng đọc chuyên biệt với không gian và tài liệu học tập tiếng Anh của SV ngành Công nghệ ô tô; (2) Hoạt động ngoại khóa: tổ chức các câu lạc bộ, hội thảo, tọa đàm về tiếng Anh của SV ngành Công nghệ ô tô để SV có cơ hội thực hành và trao đổi; tạo cơ hội cho SV giao lưu, trao đổi kinh nghiệm với các chuyên gia, doanh nghiệp ô tô; (3) Hỗ trợ SV: xây dựng các chương trình, dịch vụ hỗ trợ SV như tư vấn học tập, ôn tập tiếng Anh chuyên ngành; khuyến khích và hỗ trợ SV tham gia các kì thi, chứng chỉ tiếng Anh của SV ngành Công nghệ ô tô; (4) Động lực học tập: tạo môi trường học tập chủ động, tích cực, khuyến khích SV sử dụng tiếng Anh chuyên ngành; triển khai các chính sách, giải thưởng khuyến khích SV học

tập, sử dụng tiếng Anh chuyên ngành; (5) Hợp tác quốc tế: Tăng cường liên kết, hợp tác với các trường đại học, tổ chức quốc tế về ô tô để chia sẻ kinh nghiệm, tài liệu tiếng Anh chuyên ngành. Tạo cơ hội cho SV tham gia các chương trình trao đổi, thực tập, học tập ở nước ngoài. Việc cải thiện các yếu tố môi trường học tập sẽ góp phần nâng cao động lực và cơ hội cho SV phát triển khả năng sử dụng tiếng Anh của SV ngành Công nghệ ô tô.

Thứ tư, *đối với yếu tố xã hội*: (1) Nhận thức xã hội: tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức của xã hội về tầm quan trọng của việc học tiếng Anh của SV ngành Công nghệ ô tô trong bối cảnh hội nhập quốc tế; khuyến khích các doanh nghiệp ô tô, cơ quan, tổ chức có liên quan tích cực hỗ trợ, tạo cơ hội cho SV cải thiện kỹ năng tiếng Anh chuyên ngành; (2) Hợp tác doanh nghiệp: xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường và các doanh nghiệp ô tô; triển khai các chương trình thực tập, đào tạo với sự tham gia của doanh nghiệp để SV có cơ hội thực hành tiếng Anh chuyên ngành; khuyến khích doanh nghiệp tài trợ, cung cấp học bổng, tạo việc làm cho SV có năng lực tiếng Anh chuyên ngành; (3) Hợp tác quốc tế: xây dựng các chương trình hợp tác quốc tế về đào tạo, nghiên cứu liên quan đến ô tô, tạo cơ hội cho SV tiếp cận với các chuẩn mực, xu hướng mới về tiếng Anh chuyên ngành. Khuyến khích và hỗ trợ SV tham gia các hoạt động giao lưu, trao đổi với các đối tác quốc tế; (4) Hỗ trợ chính sách: đề xuất với cơ quan quản lý nhà nước có liên quan các chính sách hỗ trợ, khuyến khích việc học tiếng Anh của SV ngành Công nghệ ô tô, như ưu đãi về học phí, tài chính, việc làm; kêu gọi sự quan tâm, đầu tư của các cấp chính quyền, tổ chức xã hội đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Anh của SV ngành Công nghệ ô tô.

### 3. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu trên, tác giả khẳng định vai trò của khả năng học tiếng Anh chuyên ngành của SV ngành Công nghệ ô tô tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai là hết sức quan trọng và cần được quan tâm. Việc tăng cường các yếu tố cá nhân, giảng dạy, môi trường, xã hội sẽ là động lực giúp cải thiện kỹ năng tiếng Anh của SV ngành Công nghệ ô tô. Nghiên cứu này là một tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu tiếp trong việc đề xuất và triển khai thực hiện các giải pháp giúp SV ngành Công nghệ ô tô nói riêng và SV khối Kỹ thuật nói chung vượt qua những khó khăn trong việc học tiếng Anh chuyên ngành, đáp ứng được nhu cầu thực tế của ngành nghề.

### Tài liệu tham khảo

- Carhill, A., Suárez-Orozco, C., & Páez, M. (2008). Explaining English language proficiency among adolescent immigrant students. *American Educational Research Journal*, 45(4), 1155-1179.
- Chou, C. E. (2007). *Factors affecting language proficiency of English language learners at language institutes in the United States*. <http://search.proquest.com/docview/304740127?accountid=14782>
- Đào Thị Thu Hương, Đào Thị Thu Hiền (2022). Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả học tập Tiếng Anh của sinh viên nhóm các trường đại học công lập bậc trung tại Việt Nam. *Tạp chí Dạy và học ngày nay, số tháng 4*, 31-44.
- Ellis, R. (1994). *The study of second language acquisition*. Oxford: OUP.
- Gradman, H. L., & Hanania, E. (1991). Language learning background factors and ESL proficiency. *The Modern Language Journal*, 75(1), 39-51.
- Hair, J. F., Hult, G. T. M., Ringle, C. M., & Sarstedt, M. (2016). *A primer on Partial Least Squares Structural Equation Modeling (PLS-SEM)* (1st ed.). Thousand Oaks, CA: Sage publications.
- Huang, L., & Wang, J. (2023). A Corpus-based Study on Automobile English Vocabulary Teaching. In *Proceedings of the 2023 8th International Conference on Distance Education and Learning* (pp. 178-184).
- Lê Thị Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Hồng Anh, Nguyễn Hoàng Linh Phương (2021). Cải thiện kỹ năng nói cho sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành Tiếng Anh, Trường Đại học Mở Hà Nội thông qua hoạt động nhóm. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Mở Hà Nội*, 86, 1-8.
- Liu, X. (2023). A study on the learner autonomy in learning english to chinese efl students in shandong institute of science and technology vocational college. *The EURASEANs: Journal on Global Socio-economic Dynamics*, 5(42), 194-207. <https://doi.org/10.35678/2539-5645>
- Luo, M., DeWitt, D., & Alias, N. (2024). The Effectiveness of a Technical Communication Module for Automobile Manufacturing Students at Vocational Colleges. *Journal of Business and Technical Communication*, 38(2), 137-166. <https://doi.org/10.1177/10506519231217998>
- Nguyễn Hoàng Anh, Mai Việt Shin, Huỳnh Thanh Công (2024). Xu hướng ứng dụng thành tựu công nghệ 4.0 trong công nghiệp ô tô. *Tạp chí Khoa học và Kinh tế phát triển, Trường Đại học Nam Cần Thơ*, 28, 15-25.
- Trần Thị Duyên, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Thị Hương Giang, Vũ Thị Nhung, Bùi Thị Thu Giang, Cao Thị Hải Hằng (2019). Đánh giá chương trình tiếng Anh chuyên ngành tại một trường đại học của Việt Nam. *VNU Journal of Foreign Studies*, 35(5), 41-53.